



# Chuyên đề 1 - Vấn đề quyền sống của con người trong Truyện Kiều

Chuyên đề Văn (Trường Trung học Phổ thông Chuyên Lê Hồng Phong)



Scan to open on Studeersnel

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG THPT LÊ MINH XUÂN  
CHUYÊN ĐỀ MÔN NGỮ VĂN



TÊN ĐỀ TÀI

# VẤN ĐỀ QUYỀN SỐNG CỦA CON NGƯỜI “TRUYỆN KIỀU”



**Giáo viên hướng dẫn: cô Lê Hoa**

**Học sinh thực hiện: Tập thể nhóm 3 – lớp 11B16**

*Năm học 2023-2024*



<b><i>CHƯƠNG 1: PHẦN MỞ ĐẦU</i></b>	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
2.1 Mục đích nghiên cứu của đề tài	3
2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
4. Tổng quan bài nghiên cứu	4
4.1 Một số công trình chứng minh về quyền con người	4
4.2 Lịch sử nghiên cứu quyền con người trong "Truyện Kiều"	6
<b><i>CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN</i></b>	<b>9</b>
I. Khái niệm liên quan	9
1. Quyền con người	9
2. Quyền con người trong các tác phẩm văn học	10
II. Quyền con người trong tác phẩm "Truyện Kiều" của Nguyễn Du	11
A. Về nội dung	11
1.1.1 Vẻ đẹp và tài năng, phẩm chất quý giá của Thúy Kiều	12
1.1.2 Chí khí của chàng trượng phu Từ Hải	13
1.2.1 Mười lăm năm lưu lạc, thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần	15
1.2.2 Hệ thống các nhân vật khác	18
2. Những chi tiết đánh giá Nguyễn Du có tư tưởng về quyền con người tiến bộ hơn trong tác phẩm "Truyện Kiều"	21
3. Những hạn chế trong tư tưởng của Nguyễn Du	29
<b><i>TỔNG KẾT</i></b>	<b>33</b>
<b><i>TÀI LIỆU THAM KHẢO</i></b>	<b>34</b>

# CHƯƠNG 1: PHẦN MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Kính thưa quý thầy cô và các bạn thân mến!

Trong suốt tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam, tư tưởng nhân sinh về yêu thương, nhân nghĩa, về khát vọng tự do vươn tới những điều tốt đẹp ... luôn là sợi chỉ đỏ gắn bó giữa người với người, giúp dân tộc ta kẻ vai sát cánh bước qua bao thăng trầm của thời đại, lúc chiến tranh cũng như khi hòa bình. Chúng ta từng tự hào khi đọc những câu thơ đầu tiên của bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên, là sự chấp bút đầu tiên của tinh thần chiến đấu, của ý chí bảo vệ lãnh thổ qua tác phẩm “Nam Quốc Sơn Hà” của Lý Thường Kiệt:

*“Nam quốc sơn hà nam đế cư  
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”*

hay xúc động trước những lời nói dấn dãi và sâu sắc của Bác Hồ: *"Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước."*[1]. Suy cho cùng, sức mạnh của tinh thần đoàn kết, chính nghĩa, yêu nước ấy đều xuất phát từ tình người mà ra, bởi có biết yêu thương, biết cảm giận, biết phải trái, biết đúng sai mới biết cư xử để làm người. Và Bác cũng đã từng nói rằng: *"Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận"*, chính vì vậy mà chúng ta có cả kho tàng ca dao, dân ca, tục ngữ, thành ngữ, truyện kể dân gian nhằm bồi dưỡng tâm hồn và trí tuệ con người. Chúng ta cũng có rất nhiều những tác phẩm văn học ngợi ca sức mạnh, tình yêu, ngợi ca sự công bằng, chân lý, đấu tranh cho tự do, hạnh phúc. Trong số những tác phẩm đó không thể không nhắc đến Truyện Kiều của Nguyễn Du. Bởi Truyện Kiều là tinh hoa văn hóa dân tộc, là sự kết hợp tuyệt vời giữa ngôn ngữ, thể thơ dân tộc và chứa đựng tâm hồn, tính cách của dân tộc Việt Nam. Nhà nghiên cứu Phạm Quỳnh từng nói: *"Một nước không thể không có quốc hoa, Truyện Kiều là quốc hoa của ta. Một nước không thể không có quốc túy, Truyện Kiều là quốc túy của ta. Một nước không thể không có quốc hồn, Truyện Kiều là quốc hồn của ta"*. [2]

Chưa một tác phẩm nào từ trước tới giờ có thể phổ biến rộng rãi, thấm nhuần trong lòng quần chúng nhân dân hơn Truyện Kiều. Bất kể tầng lớp vua 2 quan, trí thức hay nông dân lao động đều thuộc Kiều, ngâm Kiều như một món ăn tinh thần không thể thiếu: *“Người Nam thời ai ai cũng biết ngâm Kiều, kể Kiều, “lấy” Kiều để ứng dụng trong sự ngôn ngữ đời thường. Kể thông minh hiểu cách thâm trầm, kể tầm thường hiểu cách thô thiển, nhưng ngân nga lên thấy đều lấy làm vui tai, sướng miệng, khoái trí, tỉnh hồn”*. [3]

Sở dĩ Truyện Kiều đi vào lòng quốc dân bởi đằng sau cô Kiều là cả một tấm lòng mà Nguyễn Du muốn gửi gắm. Đó là tấm lòng yêu thương con người, trân trọng tài năng, đức hạnh của người phụ nữ, căm ghét xã hội phong kiến bất công trà đạp lên con người, đồng thời nói lên ước mơ về công lý, nhân quả báo ứng và sự giải phóng con người khỏi những áp bức, bất công của chế độ xã hội ấy. Đây cũng là tiếng lòng của quảng đại quần chúng nhân dân trong xã hội phong kiến bao đời nay.

Chưa dừng lại ở đó, chúng ta đều biết dấu cho văn chương có nói về ai, về cái gì, về hiện tượng gì thì nguyên nhân xảy ra và ý nghĩa đều quay quanh con người. Lấy con người làm tâm và văn chương phục vụ cho tinh thần con người. Bởi lẽ mục đích cuối cùng của văn học là làm cho con người tin tưởng vào một hệ giá trị nhân văn nào đó, tin tưởng để hành động, vun đắp, xây dựng, bảo vệ nó. Nói như Nam Cao, văn học có chức trách nâng đời sống con người lên. Một tác phẩm lớn phải là tác phẩm làm cho con người tin vào chính bản thân mình, tin vào chính con người, làm cho người ta sống đẹp hơn, tốt hơn, sống nhân ái, bao dung hơn: *“Một tác phẩm thật giá trị phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn”* (Đời thừa).

Chính vì những lý do nói trên, nhóm 3 chúng em đã chọn đề tài: “Quyền sống của con người trong Truyện Kiều” để nghiên cứu cho chuyên đề “Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam”. Chúng em cũng xin cảm ơn cô Lê Hoa đã giúp chúng em rất nhiều trong quá trình thực hiện chuyên đề, cho chúng em tiếp xúc những điều mới mẻ chúng em chưa từng có cơ hội.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### ***2.1 Mục đích nghiên cứu của đề tài***

Dựa trên cơ sở nghiên cứu nội dung và nghệ thuật trong “Truyện Kiều”, chúng em sẽ tìm hiểu và làm rõ giá trị nhân đạo, giá trị nghệ thuật, đặc biệt là vấn đề về quyền sống của con người trong tác phẩm. Từ đó liên hệ tới ý nghĩa của tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Du với xã hội hiện đại.

### ***2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài***

Để thực hiện các mục tiêu trên, bài làm có những nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu các khái niệm liên quan đến đề tài
- Làm rõ luận đề quyền sống của con người trong tác phẩm “Truyện Kiều”
- Trình bày các nội dung, tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Du trong tác phẩm

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Vấn đề quyền sống của con người trong “Truyện Kiều”
- Phạm vi nghiên cứu: tác phẩm “Truyện Kiều” và các văn bản liên quan đến “Truyện Kiều”

## **4. Tổng quan bài nghiên cứu**

| \_\_\_\_\_—Đã từng có nhiều bài nghiên cứu về vấn đề "quyền sống", về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm "Truyện Kiều" để đời của ông, nhất là trong lĩnh vực nhân học, con người và cả nghệ thuật

### ***4.1 Một số công trình chứng minh về quyền con người:***

| \_\_\_\_\_—Ngay trong ngày Tuyên ngôn độc lập (2/9/1945) khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, câu viết đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trang trọng

dành cho các quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm của con người lần đầu tiên xuất hiện trong Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ:

*"Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ quyền không ai xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc." [4]*

Và với ý thức sâu sắc về quyền con người, Đảng và Nhà nước ở thế hệ mai sau vẫn đang cố gắng phát triển và bảo vệ đất nước theo các khái niệm về quyền con người trong "Chủ nghĩa Mác" và " Tư tưởng Hồ Chí Minh". Điều này được thể hiện rất rõ trong việc Việt Nam đã tích cực tham gia các công ước quốc tế và nghị định thư quan trọng về quyền con người và đã nội luật hóa các công ước và nghị định thư quan trọng nói trên. Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi năm 2001) tại Điều 50 đã quy định:

*"Ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật".*

Ngoài ra, bài diễn thuyết "Tôi Có một Ước mơ" (tên gốc tiếng Anh: "I Have a Dream") là bài diễn thuyết về nhân quyền người da đen nổi tiếng nhất của Martin Luther King, Jr., khi ông nói, với sức mạnh thuyết phục của tài hùng biện, về ước mơ của ông cho tương lai của nước Mỹ, khi người da trắng và người da đen có thể sống chung hoà thuận như những con người bình đẳng. Ngày 28 tháng 8 năm 1963, King đọc bài diễn văn này từ những bậc thềm của Đài Tưởng niệm Lincoln trong cuộc Tuần hành đến Washington vì Việc làm và Tự do. Đó là thời điểm quyết định cho Phong trào Dân quyền Mỹ. "Tôi có một ước mơ" đứng đầu danh sách 100 bài diễn văn chính trị xuất sắc nhất nước Mỹ trong thế kỷ 20, theo sự bình chọn năm 1999 của giới học giả về diễn thuyết trước công chúng.

*"...Nhưng một trăm năm sau, người Mỹ da màu vẫn chưa được tự do. Một trăm năm sau, cuộc sống của họ, đáng buồn thay, vẫn bị những cùm xích của sự phân biệt đối xử làm cho tàn tạ.*

*Một trăm năm sau, người Mỹ da màu vẫn phải sống trên một hòn đảo nghèo đói cô quạnh, giữa một đại dương bát ngát của cải và sự phồn vinh. Một trăm năm sau, người Mỹ da màu vẫn phải nấu mình dưới những góc khuất của xã hội Mỹ, và thấy mình đang bị lưu lạc ngay trên chính quê hương mình. Cho nên, chúng ta đến đây hôm nay để phơi bày tình cảnh đáng hổ thẹn này."* [5]

Trong quyền con người nói chung, bình đẳng cũng là một quyền cơ bản của con người. Theo khoản 1 Điều 2 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền thân nhân và tài sản.*" Hay quyền bình đẳng còn được khẳng định trong Điều 16 Hiến pháp năm 2015: "*Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống, chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.*"

Bất kỳ ai cũng có quyền cơ bản là quyền con người, quyền được sống, được tự do, được mưu cầu hạnh phúc. Hơn thế là cho dù là đàn ông hay phụ nữ, là người trẻ hay người già đều có thể nói lên tiếng nói của mình, được đi học, được tiếp cận kiến thức và được pháp luật bảo vệ dù là người giàu hay người nghèo.

#### **4.2 Lịch sử nghiên cứu quyền con người trong "Truyện Kiều"**

———Từ khi ra đời, "Truyện Kiều" của Nguyễn Du đã được độc giả đón tiếp nồng nhiệt của rất nhiều độc giả, từ những người trong tầng lớp tri thức của xã hội, đến những người trong tầng lớp bình dân, ai ai cũng thẩm Kiều, đọc Kiều. Có những bài nghiên cứu đồ sộ, đào sâu tác phẩm từ nội dung, hình thức nhưng cũng có khi chỉ là sáng tác câu thơ, câu ca gửi lời xót thương nàng Kiều, ca ngợi nàng Kiều. Nếu xét tính hiện thực của tác phẩm chắc chắn rằng sinh thời, nàng Kiều sẽ bị người đời phê bình, chửi rủa. Tuy nhiên cho dù vậy, hình tượng nàng Kiều cảm kỳ thi họa cùng cuộc đời thăng trầm khắc nghiệt vẫn là một hiện tượng văn học dậy sóng qua các thời đại từ ấy đến nay. Qua quá trình xã hội thay đổi và phát triển, xu hướng nghiên cứu cũng dần trở nên hiện đại và thoáng, thì các bài nghiên cứu về Kiều đã trở nên rất đa dạng và phong phú.

Trước hết phải xem các cụ nhà nho ở thời của Nguyễn Du có ý nghĩ thế nào khi trên tay thưởng thức tác phẩm được cho là "tinh hoa văn hóa nghệ thuật" là thế nào. Chúng ta đều



hiều rõ ràng, các nhà nho là kiểu người có thể tiếp cận và đọc được tác phẩm từ suốt thế kỉ XIX cho đến cả đầu thế kỉ XX. Khác với người viết văn/thơ hiện đại, nhà nho ở thời kì trung đại sáng tác thơ theo phương pháp “xúc cảnh sinh tình”, “cảm vật ngôn chí”, tức là nhìn cuộc sống xung quanh sinh ra cảm xúc, từ cảm xúc ấy viết thành thơ. Và đương nhiên khi phê bình hoặc bàn luận về một tác phẩm nào đó, các tác giả Nho giáo cũng dựa vào góc độ ấy mà nhận xét.

Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858) kém Nguyễn Du 13 tuổi (1765-1820), mất sau Nguyễn Du 40 năm, quê làng Uy Viễn, nay là xã Xuân Giang đồng hương huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Tức là có cùng quê hương với Nguyễn Du, lại đặc biệt có tài năng sự nghiệp không kém. Tuy nhiên Nguyễn Công Trứ lại buông lời phê bình vô cùng khắt khe với nàng Kiều trong bài hát nói “Vịnh Thuý Kiều”:

-

*“Bán mình trong bấy nhiêu năm , Dễ đem chữ hiếu mà làm được ai”*

-

-

Ông cho rằng Kiều bán mình đi làm “vợ” khắp người ta là tính cách “tà dân” không đánh lừa được người đời dù biện bạch bằng các lý do này, lý do khác khác. Việc “đoạn trường” là “đáng kiếp”! Tại sao lại có những nhận xét , đánh giá đó khi Nguyễn Công Trứ từng là một khách chơi phóng lãng, kẻ có đến cả chục cô vợ nhưng lại dám lớn tiếng lên án cô Kiều tà dân?

Trái ngược với Nguyễn Công Trứ, Minh Mạng lại ca ngợi nàng như sau:

-

*“Hợp mũ xiêm và khăn yếm vào một người; Nêu danh giáo và phong lưu cho muôn thuở”*

Tức Minh Mạng đang ngợi ca cô Kiều đủ trung trinh hiếu nghĩa, như một tấm gương đạo đức phong kiến cần phổ biến để thiên hạ soi vào.

Qua đó ta thấy được rằng, xung đột bề ngoài của các ý kiến rất phong phú, sống động, đa chiều của thế giới nghệ thuật và các nhân vật mà Nguyễn Du đã tạo ra. Nguyễn Du đã vượt qua cách nhìn cuộc sống đơn giản, một chiều, nhất phiến, để tiếp cận tính đa chiều,

tính mâu thuẫn vốn có của cuộc sống. Đây chính là đóng góp nghệ thuật lớn, là chất hiện đại của một tác giả trung đại.

- ***Từ sau năm 1975***

Thế nhưng sau từng ấy năm phát triển từ trung đại đến hiện đại lại chẳng có ai phê phán cô Kiều như Nguyễn Công Trứ nữa, mà các tác giả đều ca ngợi về tư tưởng quyền con người có sự tiến bộ trong thơ Kiều.

Học giả Dương Quảng Hàm khi ông đánh giá về Truyện Kiều: “Trong truyện cụ lại khéo léo mô tả thể thái nhân tình, thật là rạch ròi chí lý. Lại thêm lời văn rất hay: từ đầu đến cuối, không câu nào non, không chữ nào ép. . .”

PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: "Truyện Kiều là một kiệt tác của nền văn học Việt Nam, là một tác phẩm có giá trị to lớn về nhiều mặt, cả về nội dung và nghệ thuật. Tác phẩm đã thể hiện sâu sắc chủ nghĩa nhân đạo cao cả của Nguyễn Du, đồng thời cũng là một bức tranh hiện thực sinh động về xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ 19.

Đề cao Truyện Kiều về phương diện văn hóa. Với khát vọng xây dựng một nền quốc học như một sự chuẩn bị cho sự nghiệp văn hóa dân tộc, Phạm Quỳnh đã xướng lên một phong trào đọc Kiều và vịnh Kiều như một sự phô diễn sức mạnh tinh thần của dân tộc. Phạm Quỳnh nêu địa vị, vai trò của Truyện Kiều đối với vận mệnh nước nhà: “Truyện Kiều là cái “văn tự” của giống nòi Việt Nam ta đã “trước bạ” với non sông đất nước này”. Phạm Quỳnh ca ngợi Truyện Kiều “vừa là kinh, vừa là truyện, vừa là Thánh thư Phúc âm của cả một dân tộc”, là “một thiên văn khế tuyệt bút”, là quốc hoa, quốc túy, quốc hồn của ta, để ta có thể “ngao nghể với non sông, tự phụ với người đời rằng: Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn, có gì mà lo, có gì mà sợ, có điều chi nữa mà ngờ!...” [39, 1802]. Theo Phạm Quỳnh, việc cụ Tiên Điền xuất thế, cụ Tiên Điền viết Kiều, Truyện Kiều được lưu truyền đến ngày nay đó là “phúc duyên” cho nước nhà. Mà so ra thế giới, văn chương Tàu, văn chương Pháp Truyện Kiều cũng lại không có gì sánh bằng. [7]

Truyện Kiều "tuyệt không phải là phiên bản của nguyên tác" mà là "đã cấu tứ lại nguyên tác, sáng tác lại nguyên tác", đã "làm tăng thêm sức truyền cảm nghệ thuật ở tác phẩm, khiến cho ngụ ý của tư tưởng chủ đề trở nên phong phú sâu sắc hơn mà đồng thời còn nâng

cao ở mức độ rất lớn phẩm vị văn hóa tư tưởng của tác phẩm"; "Nguyễn Du là một nhà văn kiệt xuất và một đại sư về nghệ thuật ngôn ngữ" - Học giả người Trung Quốc La Trường Sơn [8]

"Truyện Kiều từ lâu đã vượt ra ngoài biên giới quốc gia, được dịch ra hàng chục thứ tiếng trên thế giới. Và ở Paris, có một nhà nghiên cứu văn học người Hà Tĩnh vẫn luôn đau đầu với việc tìm kiếm, tập hợp các bản dịch Truyện Kiều" - Chị Nguyễn Thị Sông Hương, quê ở xã Thạch Đài (Thạch Hà). Thạc sỹ chuyên nghiệp ngành Truyền thông, công nghệ tri thức và quản lý thông tin ở Đại học Sorbonne Panthéon (Pháp) năm 2009.[9]

# CHƯƠNG 21: CƠ SỞ LÝ LUẬN

## I. Khái niệm liên quan

### 1. Quyền con người

*"Là một khái niệm rộng lớn cho nên quyền con người cũng được nhiều tổ chức, quốc gia định nghĩa khác nhau. Tuy nhiên đến nay, định nghĩa của Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc thường được trích dẫn bởi các nhà nghiên cứu, theo đó quyền con người được định nghĩa như sau: "Quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, tự do cơ bản của con người" [6]*

Hay nói một cách khác, nhân quyền còn được định nghĩa một cách khái quát là những quyền bẩm sinh, vốn có của con người mà kể từ khi sinh ra vốn đã được thiết lập mà khi trong cuộc sống nếu không được đảm bảo đầy đủ thì chúng ta sẽ không thể sống như một con người. Điều đó bao gồm quyền được sống, quyền được bình đẳng, hưởng những quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ. Song song, đó cũng là quyền được đi học, được mưu cầu hạnh phúc, được bày tỏ quan điểm, ý kiến....

### 2. Quyền con người trong các tác phẩm văn học

Tương tự như khái niệm về quyền con người, quyền con người trong các tác phẩm văn học cũng được thể hiện. Tuy nhiên, thay vì khô khan như những dòng định nghĩa, các tác phẩm văn học được viết một cách khéo léo, có khi là ca ngợi, có khi là phê phán tố cáo, thể nhưng nhìn chung cũng là nêu lời xót thương với những số phận con người bị kìm kẹp, bị đàn áp và ca ngợi những phẩm chất đáng quý. Hay nói cách khác về quyền con người trong các tác phẩm văn học, đó là một phần của giá trị nhân đạo, là luôn hướng tới cái tự do, cái đẹp và cái công lý.

Như trong tác phẩm "Vợ chồng A Phủ" của nhà văn Tô Hoài

Truyện miêu tả chân thực số phận nô lệ cực khổ của người dân lao động nghèo Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn cường quyền phong kiến miền núi. Truyện cho người đọc thấy rõ bộ mặt tàn bạo của giai cấp phong kiến thống trị ở miền núi, đã tái hiện một cách sống động vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên và phong tục, tập quán của người dân miền núi Tây Bắc thời phong kiến (cảnh mùa xuân, cảnh xử kiện A Phủ).

Từ đó, quyền con người trong tác phẩm văn học cũng được thể hiện khi Tô Hoài thể hiện lòng yêu thương, có sự đồng cảm sâu sắc với thân phận người dân lao động nghèo, Góp phần phê phán những thủ tục hành hạ người dân, những thế lực cường hào ác bá miền núi (cường quyền và thần quyền). Truyện khẳng định niềm tin vào vẻ đẹp tâm hồn, sức sống và khát vọng hạnh phúc mãnh liệt dù trong hoàn cảnh khắc nghiệt đến mức nào, con người cũng không mất đi khát vọng sống tự do và hạnh phúc (Mị là cô gái với khát khao hạnh phúc, Mị trong đêm mùa xuân và hành động cởi trói bỏ trốn cùng A Phủ).

## **II. Quyền con người trong tác phẩm "Truyện Kiều" của Nguyễn Du**

So với thời đại Truyện Kiều vào cuối thế kỉ XVIII, thì ở Trung Hoa, có cuốn Kim Vân Kiều truyện kể lại (bằng văn xuôi) chuyện một nàng Thúy Kiều đẹp để giới giang phải dứt tình bán mình chuộc cha, rồi trải qua bao sự bầm dập trong nhà thổ, sau được vinh hiển mà trả thù kẻ hại mình tàn khốc... thì Truyện Kiều khác nhiều!

Cái khác ấy nằm ở hai phương diện, về nghệ thuật và về nội dung. Và cũng chính hai phương diện ấy sẽ chứng minh cho ta hiểu, tư tưởng về quyền con người của Nguyễn Du trong Truyện Kiều thực chất đã tiến bộ hơn hiện thực cả hàng trăm năm.

### **A. Về nội dung**

## 1.1.1 Con người trong "Truyện Kiều" là con người gắn liền với tài năng và phẩm chất tốt đẹp.

### 1.1.1 Vẻ đẹp và tài năng, phẩm chất quý giá của Thúy Kiều

Trước tiên, nàng Thúy Kiều là sự kết tinh của vẻ đẹp toàn vẹn, Nguyễn Du tả Kiều bằng sự trân trọng nhất và lý tưởng nhất. Trong đoạn trích "Chị em Thúy Kiều", Nguyễn Du đã dùng toàn bộ những mỹ từ xinh đẹp nhất để miêu tả vẻ đẹp của nàng Kiều:

*"Kiều càng sắc sảo, mặn mà,  
So bề tài, sắc, lại là phần hơn.  
Làn thu thủy, nét xuân sơn,  
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh."*

Tả Thúy Vân trước rồi mới tả Thúy Kiều. Vân đã đẹp, Kiều càng muôn phần đẹp hơn. Nói về Vân để làm bật lên Kiều. Thúy Kiều lại có nhan sắc “sắc sảo mặn mà”. Kiều “sắc sảo” về trí tuệ, “mặn mà” về tâm hồn. Đặc biệt, vẻ đẹp ấy thể hiện qua đôi mắt “làn thu thủy nét xuân sơn”. Đôi mắt chính là cửa sổ tâm hồn, đôi mắt Kiều trong sáng, long lanh như làn nước mùa thu, đôi lông mày thanh tú như nét núi mùa xuân. Vân đã đẹp là thế mà Kiều còn nổi trội hơn, vượt lên trên Vân cả về sắc, về tài và chiều sâu tâm hồn. Nếu vẻ đẹp của Thúy Vân được thiên nhiên tạo hoá sẵn sàng nhường nhịn thì với Thúy Kiều, vẻ đẹp ấy lấn át cả thiên nhiên, khiến cho thiên nhiên ấy phải đố kị, ghen ghét.

Nhưng Nguyễn Du đã mạnh bạo xây dựng lên vẻ đẹp của Kiều có đáng vấp trần tục. Đó chính là nét độc phá mới khi miêu tả về cái sắc cái tài của người phụ nữ một cách tự nhiên và mạnh bạo:

*"Buồn the phải buổi thông dong  
Thang lan rủ bức trướng hồng tẩm hoa  
Rõ màu trong ngọc trắng ngà  
Dày dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên"*

Chính quan niệm tiến bộ này đã chạm đến một trong những điều tối kỵ nhất của Nho gia, có thể đó cũng là một trong những lý do khiến cho Nguyễn Công Trứ buông lời phê bình gay gắt như vậy lên nàng Kiều. Tuy nhiên cũng chính điều ấy đã thể hiện được thái độ đầy

trân trọng và hết sức tự nhiên trước vóc dáng hoàn hảo của nàng Kiều và đây cũng là sự tiến bộ của nhà thơ trong quan niệm về vẻ đẹp của người phụ nữ.

Không những vậy, Nguyễn Du còn thể hiện sự trân trọng khả năng của con người trước sự khẳng định mạnh mẽ cái tài của cô Kiều.

*"Thông minh vốn sẵn tính trời  
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm  
Cung thương lầu bậc ngũ âm  
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương"*

Đó là một con người tài hoa với tư chất thông minh. Nếu như người phụ nữ trong xã hội phong kiến, họ chỉ cần công dung ngôn hạnh là đủ thì đến Kiều lại có sự kết hợp hài hòa giữa sắc và tài "cầm kỳ thi họa". Điều này là điều rất ít hoặc hầu như là không có các nhà văn nhà thơ là nam đề cập đến như Nguyễn Du. Ngoài ra thì vẫn có Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm đề cập đến. Qua đó ta thấy rằng, Nguyễn Du ngoài đề cao vẻ đẹp về sắc của cô nàng mà còn là thể hiện sự tôn vinh trước sự thông minh của người phụ nữ của xã hội phong kiến, điều mà ít các nhà Nho khác viết chữ làm được.

*Khúc nhà tay lựa nên chương,  
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.*

Đánh giá cao tài năng của con người nhất là tài năng của người phụ nữ, đó chính là sự phát hiện mới mẻ và cũng là cái nhìn tiến bộ của Nguyễn Du trong quan niệm về con người mà trong xã hội phong kiến người phụ nữ lúc nào cũng bị xem nhẹ thậm chí còn bị vùi dập, chà đạp.

*Đành thân cát dập sóng vùi  
Tiếc công cha mẹ, thiệt đời thông minh*

Đó chính là tiếng nói vô cùng ý nghĩa trong việc bênh vực cho cho quyền sống, sự công bằng đối với người phụ nữ. Vẻ đẹp của Kiều chính là sự kết hợp hài hòa giữa sắc và tài giữa lí tưởng và hiện thực để thể hiện một cách nghĩ mới mẻ khác với quan điểm truyền thống.

### 1.1.2 Chí khí của chàng trượng phu Từ Hải

Từ Hải qua cái nhìn của đại thi hào kiệt Nguyễn Du hiện lên với vẻ đẹp của con người anh hùng đầy khí phách, đánh giá sơ bộ thông qua sự thông minh, nhanh trí cũng như khéo léo của Kiều. Bên cạnh đó, Kiều nhận ra được rằng ở trong con người của Từ Hải toát lên vẻ của một con người có chí khí anh hùng hiếm có trong lịch sử dân tộc cũng như trong thiên hạ. Nguyễn Du đã tái hiện lên vẻ đẹp của người anh hùng dân tộc trong tác phẩm.

*Nửa năm hương lửa đương nồng,  
Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương.*

"Trượng phu" nghĩa là người đàn ông có chí khí lớn. Từ "thoắt" nghĩa là nhanh chóng trong khoảnh khắc bất ngờ. Đó là cách xử sự bất thường, dứt khoát của Từ Hải. Nếu là người không có chí khí, không có bản lĩnh thì trong lúc hạnh phúc vợ chồng đang nồng nàn người ta dễ quên những việc khác. Nhưng Từ Hải thì khác, ngay khi đang hạnh phúc, chàng "thoắt" nhớ đến mục đích, chí hướng của đời mình. Tất nhiên chí khí đó phù hợp với bản chất của Từ Hải, hơn nữa, Từ Hải nghĩ thực hiện được chí lớn thì mới xứng đáng với niềm tin yêu và trân trọng mà Thúy Kiều dành cho mình. Cụm từ "động lòng bốn phương" theo Tản Đà là "động bụng nghĩ đến bốn phương" cho Từ Hải "không phải người một nhà, một họ, một xóm, một làng mà là người của trời đất, của bốn phương" (Hoài Thanh). Chính vì thế, chàng hướng về "trời bể mênh mang", với "thanh gươm yên ngựa" lên đường đi thẳng:

*"Trông vời trời bể mênh mang  
Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng dong".  
Quyết lời dứt áo ra đi  
Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi"*

Hai chữ "dứt áo" thể hiện phong cách mạnh mẽ, phi thường của đấng trượng phu trong lúc chia biệt. Hình ảnh "Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi" là một hình ảnh so sánh đẹp đẽ và đầy ý nghĩa. Tác giả muốn ví Từ Hải như chim bằng cưỡi gió bay cao, bay xa ngoài biển lớn. Không chỉ thể trong câu thơ còn diễn tả được tâm trạng của con người khi được thỏa chí tung hoành "diễn tả một cách khoáng trá trong giây lát con người phi thường rời khỏi nơi tiễn biệt". Chia li và hội ngộ, hội ngộ và chia li, hai sự kiện trái ngược và nối tiếp chia cái đời thường của mỗi người ra thành những chặng đường giàu ý nghĩa hơn. Phải, nếu không có chia li và hội



ngộ, cuộc sống chỉ là một dòng chảy đơn điệu và tẻ nhạt. Nếu hội ngộ là sướng vui, hạnh phúc thì chia li là sầu muộn, đau buồn. Có lẽ vì thế mà thơ ca viết về chia li nhiều hơn, thấm thía hơn?

Cuộc chia tay Từ Hải là chia tay người anh hùng để chàng thỏa chí vẫy vùng bốn biển. Do vậy tính chất ba cuộc chia biệt là hoàn toàn khác hẳn nhau. Vậy nhưng, bằng tài hoa của một người nghệ sĩ bậc thầy, Nguyễn du đã khắc họa thành công chân dung nhân vật Từ Hải với những dấu ấn riêng biệt.

Bên cạnh Thúy Kiều và Từ Hải, nét đẹp về ngoại hình và tâm hồn tính cách còn được Nguyễn Du khắc họa qua các nhân vật khác trong "Truyện Kiều". Thúy Vân vì cảm thông cho hoàn cảnh của chị nên đã hi sinh hạnh phúc cá nhân để sánh duyên cùng Kim Trọng và còn rất vị tha khi Kim - Kiều gặp nhau cô năn sàng lùi bước trao trả duyên xưa cho chị, để chị được hạnh phúc. Kim Trọng dù cho đã được sánh duyên bên Thúy Vân nhưng ngẩn áy năm vẫn thương nhớ Thúy Kiều, vẫn tìm nàng Kiều và yêu Kiều dù cho mọi thứ thay đổi, thậm chí là nhan sắc của nàng. Ngoài ra không thể không kể đến tấm lòng nhân hậu, curu mang kẻ hoạn nạn của sư Giác Duyên.

## **1.2 Con người trong "Truyện Kiều" có số phận vô cùng nghiệt ngã và đau thương.**

Có vẻ đẹp về ngoại hình và phẩm chất là thế nhưng khi thực tế nhìn vào tác phẩm, chẳng có nhân vật nào có thể quyết định được số phận của họ sẽ đi về đâu. Mỗi người một vẻ, có người chọn sẽ biến thành kẻ ác hoặc cũng có kẻ chịu nhục cả đời.

Các nhân vật phản diện như Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh... những nhân vật đại diện cho cái xấu, cái ác. Độc giả luôn có cái nhìn xấu về bộ phận nhân vật phản diện cho rằng họ là nguyên nhân gây ra chuỗi đau thương của các nhân vật chính diện. Tuy nhiên cũng không hoàn toàn như vậy, bản chất của họ không hề xấu xa mà do họ đang sống trong xã hội phong kiến suy tàn với bao bất công ngang trái, coi trọng thế lực đồng tiền, quyền lực. Chính điều ấy là nguồn cơn khiến con người đau khổ, khiến con người tha hóa làm đường lạc lối.

### 1.2.1 Mười lăm năm lưu lạc, thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần

"Người sao hiểu hết đủ đường  
Kiếp sao rặt những đoạn đường thế thôi ?"

(Truyện Kiều)

Hai câu thơ trên là những lời thương xót của sư bà Giác Duyên và tiếng nói đồng cảm từ trong tâm của đại thi hào Nguyễn về cuộc sống biến động dữ dội, thăng trầm, vinh nhục của Thuý Kiều.

Thuý Kiều không chỉ hiện thân cho đỉnh cao của nhan sắc, tài hoa và phẩm hạnh, mà còn là hiện thân cho kiếp hồng nhan đa đoan, cuộc đời thay đổi liên tục ở nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau. Đang là một tiểu thư đài các sống trong cảnh "Êm đềm trướng rủ màn che", vậy mà qua một phen "gió cuốn mặt duềnh" đã làm cho cuộc đời nàng trải qua bao nổi truan chuyên, tủi phận. Những biến cố xảy ra liên tục trong cuộc đời của nàng thể hiện sự thăng trầm ở đời. Ví như, trong tiết thanh minh, khi ra về sau lễ hội "đạp thanh, tảo mộ" nàng gặp mộ Đạm Tiên, tưởng như là một điềm không may, nhưng rồi lại gặp được chàng Kim Trọng, nghĩ nàng đã có được mối lương duyên tốt. Sau đó, tình cảm ngày thêm mặn nồng, thắm thiết, hai người đã kết lời thề ước trăm năm, ngỡ rằng với vẻ đẹp "tài sắc vẹn toàn", nàng sẽ có một cuộc sống như trong mơ nhưng rồi biến cố gia đình xảy ra Thuý Kiều buộc phải bán mình chuộc cha và em thoát khỏi vòng lao lý. Lại tưởng rằng, nàng được gả bán cho một Mã Giám Sinh có học thức để đổi lấy sự bình yên cho gia đình, nào ngờ, nàng đã rơi vào cái bẫy của một con buôn, kiếm tiền trên thể xác của người phụ nữ. Hắn đã bán nàng vào lầu xanh làm nghề kĩ nữ. Ở lầu xanh, Thuý Kiều được Sở Khanh cứu thoát tưởng rằng đã thoát khỏi "vùng bùn lầy nhơ bẩn" nhưng không, hoá ra đó lại là một âm mưu nham hiểm ép nàng phải tiếp khách của Tú Bà dựng ra. Thân cô thế cô ở chốn lầu xanh, nàng buộc phải nuốt nước mắt vào trong và chấp nhận tiếp khách làng chơi. Ở đây, nàng gặp được Thúc Sinh và được chàng lấy về làm vợ lẽ, được sống một cuộc sống hạnh phúc, đủ đầy, bù đắp cho những đau đớn đã trải qua. Ngờ đâu, nàng lại gặp phải Hoạn Thư, máu ghen đã có tiếng mà quỷ kế, cay nghiệt thì có thừa. Nàng lại sống trong cảnh "Bắt khoan bắt nhặt đến lời/ Bắt quỳ tận mặt, bắt mời tận tay" đành hát, hầu rượu cho vợ chồng Thúc Sinh. Sau đó, bọn "buôn phần bán hương" Bạc Bà, Bạc Hạnh lại đẩy nàng vào chốn lầu xanh lần thứ hai, nhân phẩm của nàng lại bị dày vò, vấy bẩn

lần nữa khiến cho nàng cũng phải cất tiếng day nghiêng trước thực trạng phũ phàng, cuộc sống bị cầm tù trong một vòng tròn luẩn quẩn không lối thoát :

Mặt sao dày gió dạn sương

Thân sao bướm chán ong chường bấy thân

Rồi nàng lại gặp được chàng Từ Hải, một trang anh hùng hảo hán, trượng nghĩa, tưởng là vinh hiển đã đến rồi nhưng thực chất ẩn ngầm bên trong đó là một tai hoạ chết người chờ đón. Nàng nghe theo lời Hồ Tôn Hiến, tưởng được rạng ngời mặt mày, tự hào mẹ cha nhưng kết quả là chồng nàng là "tướng chết giữa trận", bản thân nàng bị cưỡng ép, phải gieo thân xuống giữa sông Tiền Đường. Rồi nàng lại được cứu, tưởng được đoàn viên hạnh phúc, kết lại duyên xưa với chàng Kim nhưng rồi hạnh phúc đành phải để dang dở...

Qua những diễn biến đó, cho thấy cuộc đời của Thuý Kiều mang một hiện thực khổ đau đầy xót xa, ai oán, số phận bi kịch đã vận vào người ngay từ bản đàn nàng đã từng sáng tác "Khúc nhà tay lựa nên chương/ Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân". Những nỗi đoạn trường cứ bám lấy cuộc đời Thuý Kiều như một định mệnh, không cho nàng được sống thanh thản, an yên, dù là một khắc ngắn ngủi. Nàng cứ thoát ra được chốn tạm tới được chút thì ngay sau đó lại bị vùi sâu hơn xuống bùn lầy như nhuốc. Mỗi lần vinh hoa ghé đến, chia tay ra cho nàng níu giữ nhưng ẩn sâu trong đó lại chứa đựng những mầm hoạ, đeo bám dai dẳng. Trong xã hội "vàng thau lẫn lộn", giá trị của đồng tiền được coi là thước đo của đạo đức, Thuý Kiều đã trở thành một miếng mồi ngon bị lừa lọc, vùi dập thâm hiểm, sống một kiếp đoạn trường đầy cay đắng với chuỗi bi kịch của một số phận "Chữ tài đi với chữ tai một vần".

Bi kịch lớn nhất của cuộc đời Kiều là bi kịch về tình yêu và bi kịch về nhân phẩm. Mối tình giữa nàng và Kim Trọng được coi là mối tình xứng đôi vừa lứa "Người quốc sắc kẻ thiên tài". Tình cảm dành cho nhau là một sự trân trọng, yêu kính, thấm thiết, nồng nàn. Đó là hiện thân của một mối tình lí tưởng, tự do đầy hạnh phúc phá bỏ rào cản của một hệ tư tưởng Nho giáo với quan niệm "cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy". Thế nhưng, "giữa đường đứt gánh tương tư, trâm gãy bình tan, nước chảy hoa trôi lỡ làng", nàng phải "trao duyên" lại cho Thuý Vân gánh vác trách nhiệm của người chị cả trong gia đình. Bỏ phận của người làm con là sao cho chữ hiếu phải tròn, nàng đành phụ tấm chân tình của chàng Kim. Lúc lưu lạc ở phương trời xa xôi, nàng lại luôn nhớ về hình bóng của người cũ:

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,  
Tin sương luống những rày trông mai chờ

Hay bàng hoàng, chơi vơi, hụt hẫng khi gọi tên chàng Kim với những lời than đầy thương xót:

Ôi Kim Lang ! Hỡi Kim Lang !  
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây.  
Cạn lời hồn ngắt máu say,  
Một hơi lạnh ngắt, đôi tay giá đông.

Tình yêu trân quý ấy đã tan vỡ chẳng thể nào hàn gắn lại được. Sau này, khi được đoàn viên về với gia đình, hai người gặp lại nhau nhưng không thể đến được với nhau. Đó là bi kịch của một tình yêu không thể chạm bước tới lễ đường thành hôn, phận vợ chồng không dành cho cả hai.

Bi kịch về nhân phẩm của nàng có lẽ là sự lên án đanh thép nhất cái xã hội đầy hỗn loạn và biến động, tố cáo tội ác của những kẻ từ quan thượng thư triều đình đến phường con buôn gian xảo, quỷ quyệt. Tất cả cũng chỉ vì đồng tiền mà sẵn sàng bức tử phẩm hạnh của một người con gái phận "liều yếu đào tơ". Những câu thơ đau đớn nhất cho bi kịch này của nàng là :

"Thân lươn bao quản lấm đầu,  
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa"

Không có nỗi đau nào lớn hơn nỗi đau khi con người trọng danh dự, luôn có ý thức về nhân phẩm mà cuối cùng phải nói những lời từ chối tiết hạnh. Đó là bi kịch của bi kịch, mất danh dự là mất hết.

### 1.2.2 Hệ thống các nhân vật khác

- Nhân vật Thúy Vân

Quyết định bán mình chuộc cha và em đồng thời không muốn phụ tình với Kim Trọng nên Thúy Kiều đã nhờ em thay mình trả nghĩa Kim Trọng:

“Cậy em em có chịu lời  
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa”

Trong hoàn cảnh này, Thúy Vân chỉ biết im lặng. Bởi, thử hỏi rằng nàng có thể nói gì? Từ chối ư? Kể rõ nỗi lòng của mình? Điều đó có lẽ sẽ càng làm cho Thúy Kiều thêm đau khổ. Hay dối lòng, quả quyết với chị rằng “ sẽ lấy Kim Trọng làm chồng” trong khi Thúy Kiều đủ tinh táo để biết rằng giữa Kim Trọng và Thúy Vân không hề có tình yêu. Bởi Thúy Vân và Kim Trọng mới chỉ gặp nhau duy nhất có một lần trong ngày tết thanh minh. Vẫn biết rằng, ngay từ buổi đầu gặp gỡ thì cả Thúy Vân và Thúy Kiều đều có sự cảm mến trước “tài mao tốt vời” của Kim Trọng. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa Thúy Kiều và Kim Trọng đã phát triển thành một tình yêu trong sáng và sâu nặng. Còn với Thúy Vân, có lẽ nó vẫn chỉ là sự cảm mến! Vậy thử hỏi rằng, chỉ với một sự cảm mến mà có lẽ ai cũng sẽ có khi lần đầu gặp Kim Trọng như vậy thì liệu có thể nhanh chóng làm nên một tình yêu đích thực? Quả thực là khó.

Có người cho rằng, xã hội mà Thúy Vân và Thúy Kiều đang sống là xã hội phong kiến với quan niệm “cha mẹ đặt đâu con ngồi đó”. Vậy nên, Thúy Vân và Kim Trọng vẫn có thể nên duyên vợ chồng khi chưa có tình yêu và tình yêu có thể sẽ nảy sinh trong thời gian họ chung sống bên nhau. Tuy nhiên, chúng ta cũng biết rằng, một trong những nội dung cơ bản trong Truyện Kiều của Nguyễn Du là tiếng nói nhân đạo, là biểu hiện của những khát vọng giải phóng, vươn lên, vượt ra khỏi khuôn khổ chật hẹp của lễ giáo phong kiến Á Đông để khẳng định những giá trị phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ, đồng thời thể hiện khát vọng tự do tìm kiếm tình yêu, hạnh phúc đích thực chứ không phải là do sự sắp đặt, định trước. Bởi vậy mà mới có những hành động: “ Săm sẫm băng lối vườn khuya một mình”. Vậy nên, với vẻ đẹp của mình, Thúy Vân hoàn toàn có quyền tìm kiếm một tình yêu, hạnh phúc đích thực.

Hơn nữa, quãng thời gian mà Thúy Vân chung sống với Kim Trọng - một người chồng mà chưa bao giờ tỏ ra là chung thủy, 15 năm chàng Kim luôn tưởng nhớ đến người xưa và cũng là 15 năm mà nàng Vân phải sống trong sự thờ ơ, hững hờ:

*“Vui là vui gượng kẻo là  
Ai tri âm đó mặn mà với ai”*

Rõ ràng, đây không phải là quãng thời gian hạnh phúc mà nhiều người vẫn cho rằng Thúy Vân được hưởng. Nếu như 15 năm lưu lạc của Kiều là 15 năm đầy sóng gió, vất vả, truân chuyên xen lẫn khổ đau và nước mắt thì 15 năm sống với Kim Trọng của Thúy Vân chẳng khác gì “một cục hình dành cho tâm hồn” một người con gái vẫn còn đang tràn đầy sức sống và lòng yêu đời. Một người con gái đẹp như Thúy Vân đáng phải được hưởng hạnh phúc, tình yêu đích thực chứ không phải là một thứ tình yêu “thừa”, tình yêu “chấp nối”:

*Gặp cơn bình địa ba đào*

*Nên đem duyên chị buộc vào duyên em.”*

Bi kịch thứ hai trong cuộc đời Thúy Vân là bi kịch của một con người có trái tim nhân hậu. Bởi sau 15 năm lưu lạc, Thúy Kiều được đoàn tụ với gia đình, đây thực sự là niềm vui khôn tả đối với tất cả mọi người. Nhưng còn Thúy Vân? Nàng vui, nhưng có lẽ niềm vui chưa kịp cất cánh bay lên thì đã bị nỗi buồn, nỗi đau xót ghì chặt xuống và giày xé tâm can. Bởi Thúy Kiều trở về cũng có nghĩa là người mà Kim Trọng luôn tưởng nhớ suốt 15 năm qua đã trở về. Những tưởng rằng, Thúy Vân sẽ lại im lặng như trong đêm Kiều trao duyên. Nhưng không, nàng đã chủ động đứng lên đặt vấn đề “Thúy Kiều nên thành hôn với Kim Trọng”. Bởi nàng hiểu rằng, suốt 15 năm qua, tuy sống với nhau như vợ chồng nhưng cả lí trí và trái tim của Kim Trọng đều dành hết cho Thúy Kiều:

*“Những là rày ước mai ao*

*Mười lăm năm ấy, biết bao là tình!”*

Và như một người cầm cân cân công lý, để trả lại sự công bằng cho Thúy Kiều trước những gì mà nàng đã phải trải qua trong suốt 15 năm lưu lạc. Thúy Vân đã dũng cảm nói lên suy nghĩ của mình - suy nghĩ thật thấu đáo nhưng cũng thật xót xa cho số phận mình:

*“Bây giờ gương vỡ lại lành*

*Khuôn thiếp lừa lọc đã dành có nơi.*

*Còn duyên, may lại còn người,*

*Còn vàng trắng bạc, còn lời nguyên xưa.*

*Quả mai ba bảy đương vừa*

*Đào non sớm liễu xe tơ kịp thì!”*

## **2. Những chi tiết đánh giá Nguyễn Du có tư tưởng về quyền con người tiến bộ hơn trong tác phẩm "Truyện Kiều"**

### **2.1 Tình yêu của Thúy Kiều**

Xuyên suốt Truyện Kiều là câu chuyện về một người phụ nữ bé nhỏ, mong manh, suốt quãng đời thanh xuân tươi đẹp nhất, phải liên tiếp đối đầu với thử thách nghiệt ngã của số phận. Và điều này cũng được chính Nguyễn Du xác nhận trong suốt chiều dài truyện: “Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau”, “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”, “Chữ tài liền với chữ tai một vần”. Truyện Kiều cuốn người đọc vào một bầu không khí bi thảm, phũ phàng, nhiều khi uất nghẹn, gấp cuốn sách lại có cảm tưởng cuộc đời của cô Kiều đã bị trói buộc bởi muôn sợi dây ràng rịt vô hình, mọi sự thuộc về tương lai của cô Kiều như đã được ông trời quyết định từ trước?. Nói như vậy, có lẽ nào khi đọc Truyện Kiều ta chỉ hiểu rằng định mệnh phũ phàng, nặng nề, đau khổ như đóng đinh vào đời Kiều và Kiều không có sự lựa chọn nào mà chỉ còn phương cách cúi đầu cam chịu? Không hẳn thế, ngày nay đọc lại Truyện Kiều, ta thấy bằng sự đồng cảm sâu sắc trước những nỗi đớn đau từ “những điều trông thấy”, Nguyễn Du đã dành nhiều trân trọng yêu thương cho nhân vật Thúy Kiều. Ông đã luôn tạo cơ hội, mở đường cho nàng được tự do, được thoát khỏi sự bủa vây trùng điệp của biết bao định chế vô lối của xã hội phong kiến đè nặng lên thân phận người phụ nữ. Có lẽ Nguyễn Du là người đầu tiên trong văn học Việt Nam đã dám đứng trên “chuẩn mực” Nho giáo để tôn vinh, ca ngợi một người con gái đẹp, tài năng nhưng “hư hỏng” dưới cái nhìn nghiệt ngã của khuôn mẫu đạo đức phong kiến, bởi lẽ cô đã dám “vi phạm” kỷ cương, phép tắc nghiêm ngặt của cộng đồng để lựa chọn tình yêu cho mình mà không tuân theo bất cứ sự sắp đặt nào của lễ giáo phong kiến theo kiểu “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”. Trong xã hội xưa, khi mà tư tưởng nam trị thống soái một cách mạnh mẽ thì việc Nguyễn Du để nàng Kiều chủ động “xăm xăm băng neo vườn khuya một mình” đi tìm Kim Trọng rõ ràng là một hành vi mang tính “nổi loạn” có chủ đích. Trong cái nhìn tiến bộ về phụ nữ của thời hiện đại sự “nổi loạn” này của nàng Kiều cho thấy rõ đây là một cô gái rất bản lĩnh, dám vượt mọi rào cản để sống thật với lòng mình, để

mình được là chính mình; Và từ đó, có thể khẳng định Kiều đồng thời cũng là một phụ nữ có ý thức rất rõ giá trị của bản thân mình – đó là giá trị về nhân vị (giá trị về vị trí và phẩm giá con người trong cộng đồng nhân loại và vũ trụ) mà không phải người phụ nữ nào, đặc biệt là những người phụ nữ sống trong sự hà khắc của xã hội phong kiến có được.

Trong câu chuyện tình yêu với Kim Trọng, Kiều là người luôn luôn chủ động. Bắt đầu từ giây phút ban đầu lưu luyến “ngàn năm đâu dễ mấy ai quên” Kiều đã chủ động: Kiều nhìn thấy Kim Trọng từ xa và đến khi rõ mặt thì đã cảm nhận được tất cả những gì sang trọng và cao khiết tỏa ra từ con người chàng: “văn chương nét đất, thông minh tính gòi/ phong tư tài mạo tốt vời/ vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa”. Rồi giây phút mê đắm giữa hai người “tình trong như đã mặt ngoài còn e”, khi bóng tà đổ xuống giục giã phải chia tay, chàng Kim lên ngựa rồi nàng Kiều “còn ghé theo”, nhìn hút bóng chàng...đó là sự chủ động xuất phát từ tấm lòng chân thành, từ tình cảm hồn nhiên và vô cùng trong sáng của một cô gái đối với một chàng trai khi họ ở độ tuổi thanh xuân đẹp nhất của cuộc đời. Có lẽ chính vì vậy mà Nguyễn Du đã không hề ngại ngần khi ông tỏ ra đồng tình, khích lệ và tôn vinh tình yêu Kim - Kiều ngay từ phút đầu tiên gặp gỡ. Và điều đó lý giải vì sao giây phút kết thúc lần gặp gỡ đầu tiên của đôi bạn trẻ được thi nhân rất ý thức đặt trong một khung cảnh tình tứ, lãng mạn, gợi cảm đến vô ngần: “Dưới cầu nước chảy trong veo/ Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha”...

Sự chủ động tự do trong tình yêu của nàng Kiều còn được thể hiện rõ hơn khi Kiều và Kim Trọng ngày càng yêu nhau đắm thắm: “Từ phen đá biết tuổi vàng/ Tình càng thâm thía, dạ càng ngẩn ngơ”. Có lẽ không ai có thể quên cái đêm Kiều bất chấp sự ràng buộc của lễ giáo, tận dụng cơ hội hiếm hoi, trốn song thân, qua nhà Kim Trọng tự tình. Từ góc nhìn nhân văn đối với tình yêu, có thể nói đây không phải là hành vi nàng Kiều tự hủy nhân cách mình mà đó là một sự khẳng định sức mạnh tình yêu của mình. Với trái tim biết yêu một cách chân thành, bất chấp mọi sự cấm kỵ, vượt bao sự sợ hãi của “bóng đêm” để đến với người con trai mà mình yêu dấu, điều này chỉ chứng tỏ thêm sự tự tin, bản lĩnh phi thường cũng như khát vọng tha thiết hướng về giá trị vĩnh cửu của tình yêu mà nàng tự nguyện hiến dâng cho Kim Trọng. Và đây cũng là một hệ giá trị của ý thức nữ quyền thể hiện trong truyện Kiều.

Suốt quãng đời sau này, dù sống bên vợ là nàng Thúy Vân cũng xinh đẹp hiền thực nhưng Kim Trọng không hề nguôi nổi nhớ, nỗi đau đến tan nát con tim khi chàng mất Thúy



Kiều. Hình ảnh của Kiều luôn ám ảnh tâm thức chàng, đến nỗi chàng phải sống trong trạng thái dần vật, đau khổ, thác loạn của những ảo giác chập chờn. “Đường như trên nóc bên thềm/  
Tiếng Kiều đồng vọng, bóng xiêm mơ màng”

Như vậy, số phận luôn đặt nàng Kiều trước những sự lựa chọn khó khăn nhưng nàng đã luôn lựa chọn đúng, dẫn rằng có những sự lựa chọn thuộc về định mệnh đã khiến cuộc đời nàng phải chịu rất nhiều thiệt thòi, đau khổ. Ý thức về giá trị bản thân, lòng tự trọng cao vời và tấm lòng vị tha, thương yêu con người vô hạn luôn là xuất phát điểm mọi hành vi ứng xử của Thúy Kiều xung quanh tình yêu của nàng với Kim Trọng. Và Nguyễn Du – một trí thức dù mang nặng tư tưởng phong kiến cũng đã vượt lên rào cản ý thức hệ, xua tan mặc cảm, định kiến hẹp hòi về người phụ nữ vốn ăn sâu trong nếp nghĩ của cộng đồng để đứng về lẽ phải, kiên định bênh vực, bảo vệ nàng Kiều – một phụ nữ thông minh đầy cá tính, tài hoa và nhan sắc với tất cả sự trân quý, nể trọng của mình. Điều đó có lẽ là hạt nhân quan trọng nhất làm nên nhân vị của chính Nguyễn Du và khiến hậu thế mãi tự hào về một Nguyễn Du giàu lòng trắc ẩn, nhân hậu, bao dung và trên hết là một nghệ sĩ với tâm hồn tinh tế và một hệ tư tưởng nhân văn sâu sắc mang tầm phổ quát mọi thời đại. Với Truyện Kiều bất hủ có thể coi Nguyễn Du là một trong số rất ít những người đàn ông Việt Nam sớm quan tâm, trăn trở đến vấn đề nữ quyền và dám đi xa hơn cả trên con đường tranh đấu cho nữ quyền.

Nếu so sánh với những tác phẩm của các tác giả khác thời trung đại viết về phụ nữ như Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ, Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn, Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều... ta thấy những tác phẩm trên cũng kiếm tìm những giá trị nữ quyền nhưng chưa thể khẳng định tư tưởng một cách sâu sắc và hệ thống như Truyện Kiều của Nguyễn Du. Và điều này cũng lý giải vì sao ngoài Truyện Kiều các tác phẩm văn chương khác của Nguyễn Du cũng luôn thể hiện tinh thần tôn quý, trân trọng, ngợi ca tài năng, nhan sắc, đề cao phẩm hạnh của người phụ nữ như Long thành cầm giả ca, Độc Tiểu Thanh ký,...

## 2.2 Khát vọng về tự do công lý trong tác phẩm "Truyện Kiều"

Khát vọng tự do trong Truyện Kiều trước hết là ở khát vọng hết sức bình thường của một con người bình thường đó chính là khát vọng về tình yêu tự do. Nguyễn Du đã thể hiện điều đó qua tình yêu của Kiều và Kim Trọng, từ gặp gỡ đến yêu rồi tương tư tất cả diễn ra rất tự nhiên. Tình yêu ấy nếu xét trong xã hội hiện đại ngày nay thì hết sức bình thường nhưng điều đáng nói ở đây là Nguyễn Du đã xây dựng tình yêu ấy trong xã hội phong kiến với những quan niệm rất khắc khe của lễ giáo phong kiến, trong xã hội mà con người không được tự do quyết định chuyện hôn nhân của mình. Vì thế ta có thể thấy rõ Nguyễn Du đã rất tinh tế trong việc phân tích và miêu tả tâm lí nhân vật. Qua đó ta cũng thấy được tư tưởng rất tiến bộ mang đậm tính nhân văn của tác giả là ca ngợi tình yêu tự do. Chẳng những thế mà ông còn lên tiếng bảo vệ tình yêu ấy. Nguyễn Du đã để cho Kiều “Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” sang nhà người yêu. Phải chăng hành động ấy của Kiều chính là là tiếng nói phản kháng lại chế độ phong kiến khắc khe lúc bấy giờ cũng như chống lại định mệnh dành cho người tài sắc. Tuy nhiên tình yêu ấy lại rất đáng quý bởi lẽ đó là một tình yêu đích thực, tình yêu trong sáng dù rằng “Sóng tình đường đã xiêu xiêu”. Tình yêu ấy vượt qua định kiến nhưng lại không vượt qua lễ giáo phong kiến. Khát vọng tình yêu tự do ấy còn được thể hiện qua mối tình của Kiều và Thúc Sinh. Dù Kiều biết Thúc Sinh đã có vợ nhưng vẫn yêu và theo chàng, qua đó cho ta thấy một con người rất “người” ở Kiều. Trong hoàn cảnh của mình lúc bấy giờ Kiều làm như thế là rất bình thường. \_\_\_\_\_ Kế đến là khát vọng tự do cá nhân. Ta có thể thấy điều đó qua nhân vật Kiều và Từ Hải. Ở Kiều, ta dễ dàng nhận ra điều ấy. Khi ở lầu xanh, Kiều muốn được tự do nên đã tin lời và đi theo Sở Khanh mà không biết rằng hắn là một kẻ “Bạc tình nổi tiếng lầu xanh, một tay chôn biết mấy cành phù dung” để rồi phải rơi vào kiếp sống phong trần. Phải chăng bi kịch ấy bắt nguồn từ chính lòng khao khát tự do của nàng. Ở Từ Hải, ta thấy niềm khao khát tự do của một người anh hùng “đội trời đạp đất”, “Dọc ngang nào biết trên đầu có ai. Chính vì không muốn bị gò bó, không muốn phải vào luồn ra cúi mà Từ Hải đã quyết “Một tay gậy dựng cơ đồ”, “Guom đàn nửa gánh, non sông một chèo” tạo nên sự nghiệp của riêng mình. Chính vì muốn tự do nên Từ Hải không muốn ra hàng vì chàng nhân thức được rằng ““Bó tay về với triều đình, hàng thần lơ láo phận mình ra đâu?” Từ Hải đã nghĩ đến tự do của “muôn người” trước khi nghĩ đến tự do của “một người”. Không thế thì vì sao “Nửa năm hương lửa đương nồng” với người tri kỷ, “Từ đã động lòng bốn phương”? Dường như cánh

chim đại bàng ấy luôn bầu bạn với trời xanh. Một mình một ngựa giữa mênh mông trời bể, không có địa chỉ rõ ràng “Bốn bể không nhà”, không người thân vì “Theo càng thêm bạn biết là đi đâu”. Qua nhân vật Từ Hải và Thúy Kiều, ta thấy được ước mơ của Nguyễn Du về tự do, công lí.

\_\_\_\_\_ Có lẽ, Nguyễn Du mong mỗi sự công bằng cho con người trong xã hội, điều mà bản thân ông không thể làm được. Tình yêu, tự do gắn liền với hạnh phúc, bình yên. Đó là điều ai cũng mong muốn và Kiều cũng vậy. Vì khao khát hạnh phúc nàng theo Thúc Sinh, vì muốn bình yên nàng theo Từ Hải, vì muốn hạnh phúc trọn vẹn nàng khuyên Từ Hải ra hàng. Hoạn Thư vì muốn bảo vệ tình yêu, hạnh phúc gia đình mà hành hạ Kiều dù Hoạn Thư cũng rất trọng tài năng của Kiều nhưng “Chồng chung ai dễ ai chiều cho ai”. Đó là điều rất bình thường đáng cảm thông ở một người phụ nữ bởi lẽ “Ốt nào mà ớt chẳng cay, gái nào mà gái chẳng hay ghen chồng”. Cùng với hạnh phúc lứa đôi là khát vọng công lí. Trong bối cảnh cuộc đời cũ, bao nhiêu bất công, oan khuất đè nặng lên bao kiếp người, nhất là những người lương thiện, những kẻ tài hoa như Kiều.

\_\_\_\_\_ Nguyễn Du đã phản ánh cái xấu, vạch trần bản chất của những thế lực ngăn cản, kìm hãm sự phát triển của con người. Đó là sai nha sai nha “Đầu trâu mặt ngựa”, bọn Tú bà buôn thịt bán người, bọn sở Khanh- Mã Giám Sinh lừa tình gạt tiền,... Đó là xã hội mà thế lực đồng tiền lên ngôi “làm cho khóc hại chẳng qua vì tiền”, “Trong tay có sẵn đồng tiền, dẫu rằng đôi trắng thay đen khó gì”, bọn quan lại chỉ biết có tiền bất chấp công lí “có ba trăm lạng việc này mới xong”. Nếu chấp nhận nó bằng cách khoanh tay bất lực hay tự an ủi bằng mọi thứ bùa mê thì cuộc sống đầy nghịch lý ấy đâu phải cuộc sống đích thực của con người. Chính vì vậy mà thanh gươm của Từ Hải phải vung lên để bênh vực những thân phận “con sâu cái kiến”. Cuộc sống ấy cần đến thanh gươm ấy. Thanh gươm của Từ như một thứ tuyên ngôn về lẽ phải “Anh hùng tiếng đã gọi rằng. Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha”. Vì vậy còn gì vui hơn cuộc gặp gỡ trùng phùng giữa Kiều và Từ Hải sau bao ngày xa cách. Ấy thế mà chỉ nghe qua nỗi oan khuất của Kiều “Khi Vô Tích khi Lâm Tri”, cơn giận của Từ đã không sao kìm giữ nổi. Là hiện thân của công lí, Từ không dừng lại ở sự cảm thông mà cần đến hành động để can thiệp. Từ đã “nghiêm quân tuyên tướng” ra tay lập tức. Vượt lên quan hệ cá nhân, việc làm ấy có tính xã hội. Buổi xử án diễn ra giữa thanh thiên bạch nhật, đặc biệt là trước khi báo oán, Kiều

đã đồng dạng “Nàng rằng: Lồng lộng trời cao, Hại nhân nhân hại sự nào tại ta”. Việc làm ấy của Kiều không chỉ được Từ Hải và ba quân ủng hộ mà mãi về sau nó còn được ngợi khen trong dư luận. Bởi lẽ việc báo ân báo oán của Kiều rất thấu tình đạt lý. Công lý đã được thực thi. Những người có ân với Kiều như Phiến Mẫu, Giác Duyên, Thúc Sinh đều được báo đáp xứng đáng, còn những kẻ như Bạc Bà, Bạc Hạnh, Ưng – Khuyển, Sở Khanh, Mã Giám Sinh đều bị trừng trị thích đáng “Thề sao thì lại cứ sao gia hình, Máu rơi thịt nát tan tành, Ai ai trông thấy hồn kinh phách rờ”. Riêng đối với Hoạn Thư Kiều cũng có cách cư xử rất công bằng. Có lẽ trước khi gặp Hoạn Thư Kiều rất căm giận và muốn giết Hoạn Thư. Nhưng khi nghe những lý lẽ khôn ngoan của Hoạn Thư “Rằng tôi chút phận đàn bà, Ghen tương thì cũng người ta thường tình” thì Kiều không thể giết Hoạn Thư được mà phải tha cho nàng. Tại sao Kiều phải làm như vậy? Bởi lẽ điều Hoạn Thư nói là chân lý không thể phủ nhận, Kiều cũng là một người phụ nữ nên không thể chối cãi được, hơn nữa nàng cũng là người hiểu lý lẽ nên chắc hẳn cũng hiểu được sự khoan dung của Hoạn Thư qua lời nhắc khéo “Nghĩ cho khi gác viết kinh, với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo”

### ***2.3 Phê phán chế độ phong kiến xã hội cũ, nguồn cơn của mọi sự đau khổ và tha hóa***

Truyện Kiều là tấm gương soi rọi tác lòng của đại thi hào Nguyễn Du, là nơi thi hào gửi gắm nhiều trăn trở, suy tư, cả những nỗi niềm xót xa, bi phần trước thực trạng đau khổ của con người trong xã hội phong kiến. Thế giới trong truyện Kiều xấu xa đến cùng cực, khi quyền sống và quyền được làm người của con người bị tước đoạt một cách không thương tiếc. Là một trong những người sống trong thời đại đó, hơn ai hết, ông hiểu rất rõ hiện thực tàn khốc ấy. Bởi thế, Truyện Kiều không phải là tác phẩm được chuyển thể từ văn xuôi sang thơ một cách thuần túy, đó là máu, là nước mắt, là nỗi lòng, là trải nghiệm cay đắng của Nguyễn Du:

*Trải qua một cuộc bể dâu  
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*

Giáo sư Lê Đình Ky từng nói: “không phải là chuyện thương hải tang điền siêu hình mà là một cục thế đã diễn ra, những điều đã được thể nghiệm. Chuyện bể dâu, những điều trông thấy ở đây trước hết gắn liền với sự suy sụp không gì có thể cứu vãn được của xã hội

phong kiến đương thời, với nỗi căm giận tuyệt vọng trước sự thối nát của giai cấp thống trị, với nỗi xót xa trước những đau khổ của con người, với những ước mơ hy vọng bùng sáng lên nhưng rồi lại bị dập tắt”. Hiện thực xã hội được khắc họa qua những lăng kính khác nhau, trước hết là ở hình ảnh của giai cấp thống trị quan lại. Chưa ở đâu và chưa ở một tác phẩm nào, những vị quan lại xuất hiện với nhân cách bỉ ổi và đều giả đến như vậy. Nhà thơ đã không sợ hãi bất cứ một thế lực nào, sự lụi tàn trong nhân cách của những kẻ thuộc tầng lớp thống trị bị Nguyễn Du vạch trần không thương tiếc:

*Phép công chiều án luận vào  
Có hai đường ấy muốn sao mặc mình  
Một là cứ phép gia hình,  
Hai là lại cứ lầu xanh phó về*

Quan lại coi thường pháp luật, tự cho mình quyền quyết định cuộc sống của người khác, không chút lương tâm. Chuyện sống chết của con người được xem như chuyện đùa. Tất cả những “cửa công”, “phép công”, những “mặt sắt”, “lập nghiêm”, những “chiều án luận vào” đều chẳng để làm gì cả ngoài một trận đòn rưng rờ xương thịt kia. Dù ta mừng cho Kiều nhưng “lòng tốt” của viên quan xử kiện đã không khiến ta ngưỡng mộ, ngược lại, ta càng thấy ông thâm hại hơn bao giờ hết! Thúy Kiều 4 lần rơi vào cửa tử vì quan lại.



Đau đớn thay, nào nề thay cho những con người vốn dĩ phải là đầy tớ của nhân dân, nay lại thối nát đến tận xương tủy, bị rút cạn đi tính người. Một “họ Hoạn danh gia” địa ngục trần gian, một Hồ Tôn Hiến ti tiện và bỉ ổi đều góp phần đẩy Thúy Kiều vào bước đường cùng của

cuộc đời, không thể phản kháng. Hình tượng của quan lại được miêu tả đầy tính khinh miệt và đả kích:

*Hàn huyền chưa kịp giải dề,  
Sai nha bỗng thấy bốn bề xôn xao.  
Người nách thước, kẻ tay đao;  
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi  
Người xưa có câu:  
Con ơi nhớ lấy câu này  
Cướp đêm là giặc cướp ngày là quan  
quả không hề sai.*

#### **Địa ngục trần gian mang tên nhà chứa**

Hiện thực còn được khắc họa qua hình ảnh của những nhà chứa, nơi mà số phận của người phụ nữ thời phong kiến được khắc họa rõ nét nhất, đủ đắng, cay, tủi, nhục. Ở đây họ bị xem như một món hàng, tạp nham những kẻ lừa dối đến để mua sắc:

*Biết bao bướm lả ong lơi  
Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt năm  
Dập dìu lá gió cành chim  
Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràn Khanh.*

Chỉ với vài câu thơ, Nguyễn Du đã khắc họa rõ nét hình ảnh của những nhà chứa lúc bấy giờ, với giọng điệu đầy kinh bi. Một thế lực đen tối khác, độc ác không kém gì quan lại, đó là sự hoành hành tác quái của bọn buôn thịt bán người. Người đọc không thể quên một Mã Giám Sinh “mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao”, một Tú Bà “thoắt trông lờn lợt màu da”, một Sở Khanh “hình dong chải chuốt áo khăn dịu dàng”, mỗi tên một vẻ nhưng chúng đều là một cốt một đồng, chung một nghề nghiệp kiếm ăn trên thân xác con người. Chỉ vài nét phác họa, Nguyễn Du đã vẽ nên những chân dung điển hình cho hạng người xấu xa này. Nếu như thế lực quan lại đã lấy đi của Kiều viễn cảnh cuộc đời bình yên tươi sáng, xô giạt đời nàng trên những bước đường lưu ly chìm nổi thì bọn buôn thịt bán người như Mã Giám Sinh, Tú Bà... là những kẻ đã đưa nàng xuống đáy sâu xã hội, xuống vực thẳm của sự nhơ nhớp. Ngòi bút sắc sảo và cái nhìn tinh táo của Nguyễn Du đã cho chúng ta thấy lâu xanh, kĩ viện không chỉ là chốn đi về của khách làng chơi mà là địa ngục trần gian ẩn sau vẻ xa hoa tráng lệ.



Cũng ở đây, Thúy Kiều đã nếm trải đủ mùi cay đắng: Có đòn roi, có nhục mạ, có lọc lừa, có cưỡng bức... Với những thủ đoạn đê hèn nhất, Tú Bà cùng với Sở Khanh đã đập tan mọi toan tính phản kháng dù chỉ còn thoi thóp ở Kiều. Đau đớn xiết bao khi người con gái có ý thức cao về nhân phẩm đó lại phải tuyên bố từ bỏ nhân phẩm của mình:

*Thân lươn bao quản lấm đầu  
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chữa.*

| \_\_\_\_\_Số phận bất hạnh của Thúy Kiều khiến vạn đời sau còn xót thương:

*Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc  
Sắc tài sao mà lại lấm truyên chuyên...  
Bổng quý Kiều như đời dân tộc  
Chữ kiên trinh vượt trăm sóng Tiền Đường*

| \_\_\_\_\_Quả thật, thân phận người con gái muôn đời sau vẫn bất hạnh:

*Thân em như trái bần trôi  
Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu – ca dao*

| \_\_\_\_\_**Thế lực đồng tiền – sự tha hóa của những giá trị nhân bản**

| \_\_\_\_\_Truyện Kiều là tiếng khóc đứt ruột của những mảnh đời bất hạnh, sự bất hạnh đó, chung quy lại cũng vì đồng tiền. Ở truyện Kiều, “đồng tiền lăn tròn trên lưng người, đổi trắng thay đen và làm bà góa phụ trở thành cô dâu mới”. Ở nơi đó, đồng tiền sai khiến lương tri, che mờ trái tim, vắt kiệt tình người:

*Một dây vô lại buộc hai thâm tình.  
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,  
Rụng rời khung dệt, tan tành gói may.  
Đồ tể nhuyển, của riêng tây,  
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham.*

| \_\_\_\_\_Hay

*Làm cho khóc lại chẳng qua vì tiền*

| \_\_\_\_\_Đồng tiền xuất hiện trong truyện Kiều như một hình tượng đặc biệt, chi phối tất cả các sự kiện tình tiết khác. Chưa ở một tác phẩm nào, thế lực của đồng tiền lại bị phanh phui một cách trần trụi đến thế. “Đồng tiền đã muốn làm chủ thế gian. Đồng tiền đã chà đạp lên đạo lí thần thánh của phong kiến. Trung, hiếu, tiết, hạnh, tài hoa, nhan sắc như cô Kiều đã bị đồng tiền làm cho ba chìm bảy nổi, đã hóa cô Kiều thành món hàng xa xỉ của thế gian... Mọi sinh

hoạt xã hội đều quay về đồng tiền” (Lê Duẩn). Quan lại có kẻ vì tiền mà hành hạ con người, nho sĩ có kẻ vì tiền mà lưu manh hóa, bọn buôn thịt bán người tất cả vì tiền mà bày ra trăm phương nghìn kế để bẫy người phụ nữ, bắt họ phải đem thân ra làm món hàng cho chúng buôn bán, kiếm chác... Cũng chưa bao giờ trong một tác phẩm tự sự, qua những lời phát biểu trực tiếp của tác giả, hay qua ngôn ngữ trực tiếp của nhân vật, tác dụng của đồng tiền lại được bóc trần nhiều lần đến thế. Sự xuất hiện của đồng tiền khiến tất cả các nhân vật đều trở thành con rối của nó.

Ở con mắt tác giả Truyện Kiều, đồng tiền đã làm trụy lạc nhân phẩm, mục nát bộ máy phong kiến thống trị, biến con người thành một thứ hàng hóa, phá tan các gia đình, hủy hoại tự do và hạnh phúc cá nhân. Quan lại vì tiền mà bỏ công lý. Sai nha vì tiền mà tra tấn người vô tội, cướp bóc tài sản người lương thiện. Lũ mẹ mồi, Mã Giám Sinh, Tú bà cậy tiền mà hành hạ người tài sắc. Sở Khanh vì tiền mà bày mưu đặt kế cho Tú bà xô đẩy Kiều vào nghề “đưa người cửa trước rước người cửa sau”. Bạc Bà, Bạc Hạnh vì tham tiền mà lừa Kiều đem bán cho lầu xanh. Hồ Tôn Hiến dùng tiền lung lạc Kiều, “lễ nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu”, để tiêu diệt Từ Hải. Tiền đã đè đầu đè cổ tài hoa, sắc đẹp, nhân phẩm, đạo lý:

*Trong tay sẵn có đồng tiền  
Dầu long đoi trắng thay đen khó gì!*

Hiện thực đau lòng nơi mà đồng tiền thay thế vị trí của nhân cách được bóc tách một cách trần trụi. Ngòi bút của đại thi hào Nguyễn Du như lưỡi dao khoét sâu vào hiện thực tăm tối, để người đọc thấy mà đau mà xót.

Truyện Kiều là một tác phẩm xuất sắc của văn học Việt Nam, không phải ngẫu nhiên mà nhà văn Phạm Quỳnh nhận xét: “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn.” Tác phẩm là đỉnh cao của ngôn từ, được chất lọc từ mảnh đất hiện thực trăm đắng ngàn cay, chính giá trị hiện thực đã đưa Truyện Kiều vượt qua khỏi quy luật của thời gian, trường tồn vĩnh cửu.

### ***3. Những hạn chế trong tư tưởng của Nguyễn Du***



Nguyễn Du vốn xuất thân trong gia đình quý tộc, học hành theo nếp nhà Nho, kiến thức thu nhận được trong sách vở là Nho, Phật, Lão, bản thân hành động phò Lê chống lại Tây Sơn. Vì thế, ngoài giá trị hiện thực tố cáo và giá trị nhân đạo chủ nghĩa. *Truyện Kiều* vẫn không thoát khỏi ý thức phong kiến, không tránh nổi những tư tưởng thoái hóa. Nhất là dưới triều Nguyễn chuyên chế áp bức những cuộc bạo động lẻ tẻ đều bị Gia Long dập tắt, dân chúng lại trở lại cuộc sống ao tù, ngạt thở. Bản thân Nguyễn Du cũng không sao tránh được, đành phải gò mình ra làm quan sống trong khuôn khổ của triều đình phong kiến.

Những mâu thuẫn ấy đã phản chiếu và *Truyện Kiều* nhiều khi khiến cho người đọc phải đau đầu, khó chịu. Nguyễn Du ca ngợi mỗi tình tự do, tươi đẹp của Thúy Kiều, hoan nghênh cuộc gặp gỡ tài tình của lứa đôi Thúy Kiều - Từ Hải, đề cao lòng thủy chung của Kim Trọng, đã đưa nàng Kiều ra khỏi nhà chùa để về đoàn tụ với người xưa, nhưng cuối cùng lại nói rằng: “tình là dây oan”, “tu là cỗi phúc”.

Tác giả đã thương xót, căm ghét khiến cho người đọc cũng thương xót, căm ghét những bọn bất lương tàn bạo, đã vạch mặt chỉ tên những lũ quan nha, Mã Giám Sinh, Tú Bà, Hoạn Thư, Sở Khanh... đã làm khổ Thúy Kiều, nhưng cuối cùng lại để sự Tam Hợp kết luận đó là do cái “nghiệp” của Thúy Kiều từ kiếp trước, chính cái “nghiệp” ấy đã xô đẩy Thúy Kiều và tự Thúy Kiều giấn mình vào đau khổ, hoạn nạn:

*“Ma đưa lối quỷ dẫn đường,*

*Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi”*

Nghĩa là Nguyễn Du giải thích căn nguyên gây ra cuộc đời oan trái, chìm nổi của Kiều là do thuyết “mệnh trời” của đạo Nho và thuyết “luân hồi”, “nhân quả” của đạo Phật, đều là những lực lượng siêu nhiên, thần bí. Gắn liền vào đó, Nguyễn Du thông qua hình tượng nhân vật với những đoạn thơ nói về “mệnh”, “nghiệp” gieo rắc không ít những tư tưởng bi quan, tiêu cực. Chẳng hạn, lời tiên đoán của một thầy số:

*“Nhớ từ năm hấy thơ ngây,*

*Có người tướng sĩ đoán ngay một bài.  
Anh hoa phát tiết ra ngoài,  
Nghìn thu bạc mệnh, một đời tài hoa”  
Hay lời đay nghiến của nhân vật chính:  
“Đã cho lầy chữ hồng nhan,  
Làm cho cho hại cho tàn cho cân.  
Đã dầy vào kiếp phong trần,  
Sao cho sĩ nhục một lần mới thôi.”*

Nguyễn Du dựa vào thuyết “định mệnh” và tư tưởng “tài mệnh tương đố” mà cho rằng con người tài giỏi đến mấy cũng không thể thay đổi, cho nên Thúy Kiều tài sắc mà phải lưu lạc đầy đoạ là cái số do trời qui định. Chẳng những Kiều, Đạm Tiên... mà phận hồng nhan phải chịu nghiệp chương ấy. Vì thế Nguyễn Du mới viết:

*“Rằng: Hồng nhan tự thuở xưa,  
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu.”  
Thậm chí Nguyễn Du ca ngợi Từ Hải hết lời:  
“Anh hùng tiếng đã gọi rằng,  
Giữa đường dẫu thấy bất bình mà tha.”  
Nhưng tác giả lại để Từ Hải nghe lời Kiều cho cuộc đời ấy là phiêu lưu:  
“Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,  
E dè sóng gió hải hùng cỏ hoa.”*

Nguyễn Du đề cao những hành động nhân nghĩa của Từ Hải nhưng lại để cho Thúy Kiều cho đó là:

*“Ngẫm từ gây việc binh đao,  
Đóng xương vô - định đã cao bằng đầu.”*

Nguyễn Du hoan nghênh việc Từ Hải chống lại triều đình, nhưng lại đề Thúy Kiều khuyên Từ Hải ra hàng để được công danh phú quý:

*“Sao bằng lộc trọng quyền cao,  
Công danh ai dirts nói nào cho qua.”*

Những điều nói trên chứng tỏ Nguyễn Du mâu thuẫn với mình. Những điều mâu thuẫn ấy là phản ánh các mâu thuẫn căn bản của xã hội, của thời đại, nhưng Nguyễn Du lại giải thích bằng thuyết “thiên mệnh”:

*“Ngẫm hay muôn sự tại trời,  
Trời kia đã bắt làm người có thân.  
Bắt phong trần phải phong trần,  
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.”*

Rõ ràng, tư tưởng “định mệnh” ít nhiều ảnh hưởng đến *Truyện Kiều* đây là những hạn chế bởi hoàn cảnh lịch sử và thế giới quan của Nguyễn Du. Chúng tôi nói “ít nhiều” là vì Nguyễn Du không sợ triều đình phong kiến mà dám đứng lên ca tụng Từ Hải chống lại triều đình: “Dọc ngang nào biết trên đầu có ai”. Tương truyền khi Tự Đức đọc *Truyện Kiều* đến câu này đòi nọc Nguyễn Du đánh ba chục roi, nếu như ông còn sống. Điều đó chứng tỏ Nguyễn Du đã thành công và Từ Hải là một đòn đánh mạnh vào chế độ phong kiến tan rã. Cho nên chúng ta không thể phủ nhận giá trị lớn lao của *Truyện Kiều* là bản cáo trạng vạch mặt chế độ phong kiến thối nát, tàn bạo, chà đạp lên quyền sống của con người.

## **TỔNG KẾT**

Như vậy, qua phần nghiên cứu trên, chúng tôi xin rút ra kết luận sau. "Truyện Kiều" vẫn là một trong những tác phẩm tiêu biểu khi nói về sự tiến bộ trong tư tưởng quyền con người ở xã hội cũ. Nguyễn Du đã dám đứng lên, vun vén ngòi bút của mình để nhằm phê phán cái xã hội hủ bại, đồng thời là lời ca thán, xót thương cho những con người có thân phận thấp hèn, không quyết định được cuộc đời của mình, nhất là những người phụ nữ. Từ là lời tán thành yêu đương ư do, đến khát vọng tự do công lý, Nguyễn Du đã chứng minh ước, tư tưởng của ông là vượt thời đại, là tiến bộ nhất so với tác phẩm cùng thời.

Do trình độ bản thân còn nhiều hạn chế và bước đầu áp dụng lý luận vào thực tiễn nên bài báo cáo này không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế trong quá trình viết bài. Em rất mong nhận được sự đóng góp quý báu của thầy cô, các bạn để bài viết của chúng em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn cô Hoa, các bạn trong tập thể nhóm đã hướng dẫn và cung cấp đầy đủ số liệu cần thiết cho đề tài của chúng em.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]: [Trích “Báo cáo Chính trị của Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của đảng Lao động Việt Nam”](#)
- [2][3]: [Bài diễn thuyết bằng quốc văn của ông Phạm Quỳnh \(trích](#)  
[https://vi.wikisource.org/wiki/B%C3%A0i\\_di%E1%BB%85n\\_thuy%E1%BA%BFt\\_b%E1%BA%B1ng\\_qu%E1%BB%91c\\_v%C4%83n\\_c%E1%BB%A7a\\_%C3%B4ng\\_Ph%E1%BA%A1m\\_Qu%E1%BB%B3nh\)](https://vi.wikisource.org/wiki/B%C3%A0i_di%E1%BB%85n_thuy%E1%BA%BFt_b%E1%BA%B1ng_qu%E1%BB%91c_v%C4%83n_c%E1%BB%A7a_%C3%B4ng_Ph%E1%BA%A1m_Qu%E1%BB%B3nh))
- [4]: [Trích bài "Tuyên ngôn độc lập và pháp quyền" của Chủ tịch Hồ Chí Minh](#)  
<https://doanthanhvien.vn/tin-tuc/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/tuyen-ngon-doc-lap-va-nha-nuoc-phap-quyen>
- [5]: [Trích bài nghiên cứu của Wikipedia](#) [https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B4i\\_C%C3%B3\\_m%E1%BB%99t\\_%C6%AF%E1%BB%9Bc\\_m%C6%A1](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B4i_C%C3%B3_m%E1%BB%99t_%C6%AF%E1%BB%9Bc_m%C6%A1)
- [6]: [https://luatduonggia.vn/quyen-con-nguoi-la-gi-noi-dung-quy-dinh-ve-quyen-con-nguoi-theo-hien-phap/#31\\_Dac\\_trung\\_cua\\_quyen\\_con\\_nguoi](https://luatduonggia.vn/quyen-con-nguoi-la-gi-noi-dung-quy-dinh-ve-quyen-con-nguoi-theo-hien-phap/#31_Dac_trung_cua_quyen_con_nguoi)
- [7]: <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/luan-van-cua-ncs-hvch-sv/6535-truy%E1%BB%87n-ki%E1%BB%81u-qua-c%C3%A1c-khuynh-h%C6%B0%E1%BB%9Bng-ph%C3%AA-b%C3%ACnh-v%C4%83n-h%C3%B3a-gi%C3%A1o-khoa-ph%C3%A2n-t%C3%A2m-h%E1%BB%8Dc-n%E1%BB%ADa-%C4%91%E1%BA%A7u-th%E1%BA%BF-k%E1%BB%B7-xx.html?fbclid=IwAR3eW8IYRPF07TYoP5nyub0HWv-YYdq79jjuRGrifmU4w5SoAjd7y2CrYA>
- [8]: [https://123hoang.wordpress.com/sach/chan-dung-nguy%E1%BB%85n-du/nguy%E1%BB%85n-van-trung-d%E1%BA%B7t-l%E1%BA%A1i-v%E1%BA%A5n-d%E1%BB%81-truy%E1%BB%87n-ki%E1%BB%81u-hay-phe-binh-phe-binh-van-h%E1%BB%8Dc/?fbclid=IwAR26QIQK13LnDE6YcQrcYUEl5NvM8PVWaZr6xmuUQorMp96kz5L\\_x8nG0rg](https://123hoang.wordpress.com/sach/chan-dung-nguy%E1%BB%85n-du/nguy%E1%BB%85n-van-trung-d%E1%BA%B7t-l%E1%BA%A1i-v%E1%BA%A5n-d%E1%BB%81-truy%E1%BB%87n-ki%E1%BB%81u-hay-phe-binh-phe-binh-van-h%E1%BB%8Dc/?fbclid=IwAR26QIQK13LnDE6YcQrcYUEl5NvM8PVWaZr6xmuUQorMp96kz5L_x8nG0rg)
- [9]: <https://baohatinh.vn/xa-que/nha-nghien-cuu-van-hoc-nguoi-ha-tinh-tai-phap-va-tam-nguyen-voi-truyen-kieu/198789.htm?fbclid=IwAR3DFlwG2AHhKBsQ3afiG4efqgoorFfa2rQQYsX9bMJ8af9P4W4R0qvtcV7Y>

